

Nội dung bài viết

1. [Nêu biểu hiện của địa hình nhiệt đới ẩm gió mùa](#)
2. [Lý thuyết áp dụng](#)

Nêu biểu hiện của địa hình nhiệt đới ẩm gió mùa

Phương pháp giải:

Khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa làm quá trình phong hóa diễn ra mạnh + mưa lớn => quá trình xâm thực - b ấ tụ phổ biến.

Lời giải chi tiết:

Địa hình của vùng nhiệt đới ẩm gió mùa được biểu hiện bằng sự xâm thực rất mạnh mẽ ở miền đ ấ núi và b ấ tụ nhanh ở đ ồng bằng hạ lưu sông:

- Địa hình xâm thực mạnh ở đ ấ núi:

+ Trên các sườn dốc mất lớp phủ thực vật, bề mặt địa hình bị cắt xẻ đất bị sỏi mòn rửa trôi, nhiều nơi trơ sỏi đá

+ Ở vùng đá vôi hình thành địa hình cacxtơ với các hang động, suối cạn, thung khô...

+ Các vùng thềm phù sa bị chia cắt thành các đ ấ thấp xen thung lũng rộng

- B ấ tụ nhanh ở đ ồng bằng hạ lưu sông: rìa phía đông nam đ ồng bằng châu thổ sông Hồng và phía tây nam đ ồng bằng châu thổ sông Cửu Long hàng năm lấn ra biển từ vài chục đến gần trăm mét ...

Lý thuyết áp dụng

1. Đặc điểm chung của địa hình

a. Địa hình đ ấ núi chiếm phần lớn diện tích nhưng chủ yếu là đ ấ núi thấp

- Đ ấ núi chiếm 3/4 lãnh thổ. Địa hình cao dưới 1000m chiếm 85%, núi trung bình 14%, núi cao trên 2000m chỉ chiếm 1% diện tích cả nước..
- Đ ồng bằng chỉ chiếm 1/4 diện tích đất đai.

b. Cấu trúc địa hình nước ta khá đa dạng

- Địa hình nước ta được vận động Tân kiến tạo làm trẻ lại và có tính phân bậc rõ rệt

- Địa bình thấp dần từ Tây Bắc xuống Đông Nam
- Cấu trúc gồm 2 địa hình chính:
 - Hướng TB - ĐN: Từ hữu ngạn sông Hồng đến Bạch Mã
 - Hướng vòng cung: Vùng núi Đông Bắc và Trường Sơn Nam

c. Địa hình vùng nhiệt đới ẩm gió mùa

- Địa hình bị xói mòn, cắt xẻ mạnh do lượng mưa lớn và tập trung theo mùa.
- Trên bề mặt địa hình, dưới rừng có lớp vỏ phong hóa dày, vụn bở được hình thành trong môi trường nóng ẩm, gió mùa, lượng mưa lớn...

d. Địa hình chịu tác động mạnh mẽ của con người

- Thông qua các hoạt động kinh tế: làm đường giao thông, khai thác mỏ...
- Con người tạo ra nhiều địa hình nhân tạo như: đê, đập, hồ chứa nước, kênh rạch, hầm mỏ, các công trình kiến trúc...

2. Các khu vực địa hình

a. Khu vực đồi núi

- Vùng núi Đông Bắc:

+ Giới hạn: Vùng núi phía tả ngạn sông Hồng chủ yếu là đồi núi thấp.

+ Gồm các cánh cung lớn mở rộng về phía bắc và đông chụm lại ở Tam Đảo.

+ Hướng nghiêng: cao ở Tây Bắc và thấp xuống Đông Nam

- Vùng núi Tây Bắc:

+ Giới hạn: Nằm giữa sông Hồng và sông Cả.

+ Địa hình cao nhất nước ta, dãy Hoàng Liên Sơn (Phanxipang 3143m). Các dãy núi hướng tây bắc - đông nam, xen giữa là cao nguyên đá vôi (cao nguyên Sơn La, Mộc Châu).

- Vùng núi Bắc Trường Sơn:

+ Giới hạn: Từ sông Cả tới dãy núi Bạch Mã.

+ Hướng Tây Bắc - Đông Nam .

- + Các dãy núi song song, so le nhau dài nhất, cao ở hai đầu, thấp ở giữa.
- + Các vùng núi đá vôi (Quảng Bình, Quảng Trị)
- Vùng núi Trường Sơn Nam:
- + Các khối núi Kontum, khối núi cực nam tây bắc, sườn tây thoải, sườn đông dốc đứng.
- + Các cao nguyên đất đỏ ba dan: Playku, Đắk Lắk, Mơ Nông, Lâm Viên bề mặt bằng phẳng, độ cao xếp tầng 500 - 800 - 1000m.
- * Địa hình bán bình nguyên và vùng đồi trung du:
 - Bán bình nguyên ở Đông Nam Bộ với bậc thềm phù sa cổ cao khoảng 100m và bề mặt phủ badan cao chừng 200m.
 - Địa hình đồi trung du phần nhiều do tác động của dòng chảy chia cắt các thềm phù sa cổ. Dải đồi trung du rộng nhất nằm ở rìa đồng bằng sông Hồng và thu hẹp ở rìa đồng bằng ven biển miền Trung.

b. Khu vực đồng bằng

- Đồng bằng chia làm hai loại:
 - + Đồng bằng châu thổ
 - + Đồng bằng ven biển
 - + Đồng bằng châu thổ sông g ãm: đồng bằng sông Hồng và đồng bằng sông Cửu Long.
- Giống nhau:
 - + Đầu là đồng bằng châu thổ hạ lưu của các sông lớn, có bờ biển phẳng, vịnh biển nông, thềm lục địa mở rộng.
 - + Đất đai màu mỡ, phì nhiêu.
- Khác nhau:
 - + Do sông Hồng và sông Thái Bình bồi tụ:
 - DT: 15.000 km².

- Có hệ thống đê ngăn lũ.
- Vùng trong đê không được bồi đắp phù sa hằng năm.
- Ít chịu tác động của thủy triều

+ Do sông Tiền và sông Hậu bồi đắp

- DT: 40.000 km².
- Có hệ thống kênh rạch chằng chịt.
- Được bồi đắp phù sa hằng năm.
- Chịu tác động mạnh mẽ của thủy triều.

- Đồng bằng ven biển:

+ Có tổng diện tích khoảng: 15 nghìn km².

+ Đất nghèo, nhiều cát, ít phù sa sông.

+ Phần lớn hẹp ngang, bị chia cắt, một số được mở rộng ở các cửa sông.

+ Có sự phân chia làm 3 dải: giáp biển là cồn cát, đầm phá; giữa là vùng thấp trũng; dải trong cùng đã được bồi đắp thành đồng bằng.